

Bản án số: 54/2022/HS-PT

Ngày: 04-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Các Thẩm phán:

Ông Dương Ngọc Thành

Ông Nguyễn Phước Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 08/2022/TLPT-HS ngày 11 tháng 01 năm 2022, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc T và những người đại diện hợp pháp của người bị hại gồm: bà Lý Thị T1, bà Lý Thị L2 và bà Lý Thị L2 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2021/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1985 tại Bắc Ninh. Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Ngọc H (đã chết) và bà Nguyễn Thị D (đã chết); vợ tên Nguyễn Thị M, sinh năm 1987; con có hai người, lớn sinh năm 2016 và nhỏ sinh năm 2017; tiền sự: Không.

Tiền án: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 27/2007/HS-PT ngày 23-03-2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, đã xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 01 (Một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, phần trách nhiệm dân sự và án phí bị cáo nộp ngày 29-11-2021.

Nhân thân: Ngày 05-3-2018, bị Trưởng Công an thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 37/QĐ-XPVPHC, xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, đã chấp hành xong cùng ngày.

Bị cáo tại ngoại điều tra, có mặt tại phiên tòa.

- *Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị:*

- *Người đại diện hợp pháp của người bị hại:*

1. Bà Lý Thị T1, sinh năm: 1968. (Vắng mặt)

2. Bà Lý Thị L1, sinh năm: 1970. (Có mặt)

3. Bà Lý Thị L2, sinh năm: 1977. (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Khu phố B, thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lý Thị T1 và bà Lý Thị L2: Bà Lý Thị Lên. (Theo Văn bản ủy quyền ngày 24-3-2022).

- *Những người tham gia tố tụng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không triệu tập:*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1966. Nơi cư trú: khu phố M, thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Phạm Thanh L, sinh năm 1978. Nơi cư trú: ấp BN, xã Vĩnh Trị, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

2. Ông Võ Thanh B, sinh năm 1973. Nơi cư trú: ấp BN, xã Thái Trị, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

3. Ông Trần Ngọc V, sinh năm 1999. Nơi cư trú: khu phố B, thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi uống rượu, khoảng 09 giờ 10 phút ngày 13-3-2021 Nguyễn Ngọc T điều khiển xe mô tô biển số 62Z6 – 5874 lưu thông trên đường đê bao Huỳnh Việt Th đến đê bao đường Nguyễn Thị H hướng ra Tỉnh lộ 831B. Khi gần đến đường Tỉnh lộ 831B, thuộc khu phố B, thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, T phát hiện bà Dương Thị B1 đang đi bộ cùng chiều bên phải phía trước, cách xe của T đang điều khoảng 10m. Do điều khiển xe với tốc độ cao, thiếu chú ý quan sát nên xe của T điều khiển đã đụng từ phía sau người của bà B1, rồi kéo lê bà B1 ngã xuống đường. Hậu quả, bà B1 bị tử vong trên đường đi cấp cứu. Sau khi gây tai nạn, T không dừng xe lại tại hiện trường và cũng không đưa bà Bức đi cấp cứu mà điều khiển xe bỏ chạy về nhà. Sau đó, xóa dấu vết như: rửa xe và đốt bỏ chiếc áo đang mặc lúc gây tai nạn.

Tại Bản kết luận Giám định pháp y về tử thi số 234/2021/KLGD ngày 18-3-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An đã kết luận về nguyên nhân chết của nạn nhân Dương Thị B1, sinh năm 1942 như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định
 - Rách, dập da vùng cằm, kích thước (4x5)cm chảy máu ra nhiều từ vùng đầu.
 - Trầy xước da vùng mông hai bên, gối chân trái.
 - Rách da mu bàn tay trái, ngón 2, 3 bàn tay trái, mặt trong cẳng chân trái.
 - Gãy 1/3 dưới xương cẳng chân phải.
 - Bầm tụ máu dưới da đầu vùng đỉnh – cằm bên phải. Xuất huyết dưới nhện, máu tụ quanh tiểu não. Xương hộp sọ nguyên vẹn.
 - Gãy ngang đốt sống cổ C3. Bầm tụ máu vùng cổ sau, kích thước (3x3,5)cm.

2. Nguyên nhân chết: Do bị đa chấn thương (gãy trật đốt sống cổ C3 và xương cẳng chân).

Tại Bản kết luận Giám định pháp y về hóa pháp số HST 229/ĐC.2021 ngày 20-3-2021 của Trung tâm Pháp y Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: Nồng độ cồn trong máu của Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1985 là 142,82mg/100ml.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2021/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An đã xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ: Các điểm b, c khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 03 (ba) năm tù. Thời gian tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 29-11-2021, bị cáo Nguyễn Ngọc T kháng cáo về hình phạt của bản án sơ thẩm, cụ thể: xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 05-12-2021, đại diện hợp pháp của người bị hại gồm: bà Lý Thị T1, bà Thị L1, bà Lý Thị L2 đều kháng cáo xin cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Nguyễn Ngọc T thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử; bị cáo xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Vi

phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” là đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Bị cáo cung cấp Đơn xác nhận hoàn cảnh khó khăn; Đơn xác nhận bà Đỗ Thị Mễ là bà nội của bị cáo là người có công với đất nước, chú ruột của bị cáo là Liệt sĩ; Biên bản giám định y khoa đối với con ruột của bị cáo. Ngoài ra, bị cáo T còn trình bày, trước khi điều khiển xe mô tô gây tai nạn giao thông làm cho bà B1 chết, bị cáo chỉ có uống một ít rượu, nhưng sau khi gây tai nạn giao thông bị cáo chạy xe về nhà bị cáo hoảng sợ nên tiếp tục uống thêm rượu (uống một mình, không ai chứng kiến), nên khi xét nghiệm nồng độ cồn trong máu của bị cáo mới cao như kết luận xét nghiệm.

Đại diện hợp pháp của người bị hại bà bà Lý Thị L1 trình bày: Các bà T1, L1 và L2 là con ruột của bà B1. Sau khi gây tai nạn giao thông làm cho bà B1 chết, bị cáo đã đến nhà thăm hỏi và lo liệu hậu sự cho gia đình người bị hại và hai bên thỏa thuận bồi thường xong số tiền 120.000.000 đồng. Đại diện người bị hại có đơn bãi nại đối với bị cáo T. Sau khi bị cáo T bị Tòa sơ thẩm xét xử 03 năm tù, đại diện người bị hại thấy mức hình phạt là quá nặng và bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn như con bị bệnh, cha của bị cáo cũng mới chết nên kháng cáo xin cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Bị cáo T và những người đại diện hợp pháp của người bị hại kháng cáo đúng thời hạn và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên vụ án đủ điều kiện để xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cho rằng sau khi gây tai nạn giao thông làm cho bà B1 chết, bị cáo về nhà tự uống thêm rượu, nên xét nghiệm nồng độ cồn trong máu cao như kết luận là không có căn cứ để chứng minh.

Án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Bị cáo cung cấp thêm các chứng cứ để làm tình tiết giảm nhẹ gồm: Đơn xác nhận hoàn cảnh khó khăn; Đơn xác nhận bà Đỗ Thị M là bà nội của bị cáo T là người có công với đất nước, chú ruột của bị cáo là Liệt sĩ; Biên bản giám định y khoa đối với con ruột của bị cáo; Ngoài ra, người đại diện hợp pháp của người bị hại kháng cáo cho bị cáo hưởng án treo. Xét thấy, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự chưa được cấp sơ thẩm xem xét nên cần chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Xét, cấp sơ thẩm chưa xem xét, nhận định đúng về nhân thân của bị cáo, cụ thể: Bản án hình sự phúc thẩm số 27/2007/HS-PT ngày 23-03-2007 của Tòa án nhân tỉnh Vĩnh Phúc, xử phạt bị cáo T 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã chấp xong về hình phạt tù; ngoài ra bản án hình sự phúc thẩm còn tuyên về phân trách nhiệm dân sự và án phí. Ngày 29-11-2021, bị cáo mới thực hiện phần xong phân trách nhiệm dân sự và án phí nên chưa được xóa án tích. Ngày 13-3-2021, bị cáo tiếp tục phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 03 năm đến 10 năm là loại tội phạm nghiêm trọng. Do đó, lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm, nhưng cấp sơ thẩm không xem xét là thiếu xót cần rút kinh nghiệm. Do vậy, kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo cũng như đại diện của người bị hại kháng cáo cho bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo T về giảm nhẹ hình phạt, đề nghị phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T cùng người đại diện người bị hại cho bị cáo hưởng án treo. Căn cứ vào cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo T và về lý lịch xác định tiền án đối với bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Phản tranh luận: Bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện lao động chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Ngọc T và những người đại diện hợp pháp của người bị hại kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét, lời khai nhận của bị cáo T tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận rằng: Bị cáo Nguyễn Ngọc T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Khoảng 09 giờ 20 phút ngày 13-3-2021, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số 62Z6 – 5874 khi trong người có nồng độ cồn trong máu là 142,82mg/100ml, lưu thông trên đường đê bao Nguyễn Thị Hạnh hướng ra đường Tỉnh lộ 831B, thuộc khu phố B, thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng. Khi xe của bị cáo điều khiển đi gần đến đường Tỉnh lộ 831B, do điều khiển xe đi với tốc độ cao và thiếu chú ý quan sát, nên khi phát hiện bà Dương Thị B1 đang đi bộ cùng chiều phía trước, sát lề đường bên phải, bị cáo

không xử lý kịp thời, dẫn đến xe của bị cáo đụng vào người của bà B1 từ phía sau, rồi kéo lê bà B1 ngã xuống đường, bị cáo điều khiển xe bỏ chạy khỏi hiện trường. Hậu quả, bà B1 bị tử vong. Hành vi điều khiển xe như trên của bị cáo T đã vi phạm vào khoản 8 và 23 Luật Giao thông đường bộ. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Án sơ thẩm đã căn cứ vào các điểm b và c khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 03 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cho rằng nồng độ cồn trong máu cao theo kết luận xét nghiệm là do bị cáo uống thêm rượu sau khi gây tai nạn giao thông, nhưng bị cáo không có chứng cứ gì để chứng, nên không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Xét các kháng cáo:

[3.1] Đối với kháng cáo của bị cáo T xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, thấy rằng:

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 27/2007/HS-PT ngày 23-3-2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, ngoài ra, bản án trên còn tuyên về trách nhiệm dân sự và án phí, bị cáo mới chấp hành ngày 29-11-2021. Trong vụ án này, bị cáo bị xét xử về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” tại điểm b, c khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 03 năm đến 10 năm là loại rất tội phạm nghiêm trọng. Căn cứ vào Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03-4-2019 của TAND Tối cao tại phần I.7 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự, thì bị cáo còn tiền án và là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nhưng khi xét xử cấp sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ là thiếu sót, nên cần rút kinh nghiệm.

Khi xét xử, cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại các điểm b và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như bị cáo thành khẩn khai báo; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho phía bị hại; đại diện người bị hại có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo. Bị cáo kháng cáo cung cấp thêm Đơn xin xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn, có bà nội là người có công với đất nước và có chú ruột là Liệt sĩ, con của bị cáo bị bệnh. Nhưng đây cũng là tình tiết giảm nhẹ không đáng kể, được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng cho bị cáo. Bị cáo kháng cáo không có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên không có căn cứ áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo có mức hình phạt dưới khung hình phạt mà bị cáo phạm tội. Do đó, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận.

Căn cứ vào Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về các điều kiện được hưởng án treo thì bị cáo T không đủ điều kiện được hưởng án treo, nên không chấp nhận kháng cáo hưởng án treo của bị cáo.

[3.2] Xét kháng cáo xin cho bị cáo được hưởng án treo của những người đại diện hợp pháp của người bị hại: Như nhận định tại mục [3.1] không có căn cứ để cho bị cáo được hưởng án treo, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của những người đại diện của người bị hại.

[4] Từ những căn cứ trên, căn cứ vào các điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T cùng người đại diện hợp pháp cho người bị hại. Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tại phiên tòa về giải quyết vụ án có căn cứ để chấp nhận một phần, sửa một phần của bản án sơ thẩm, xác định bị cáo T còn tiền án.

[5] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ các Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, L2 phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc T và người đại diện hợp pháp của người bị hại gồm: Bà Lý Thị T1, Lý Thị L1 và Lý Thị L2. Giữ nguyên về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2021/HS-ST ngày 26-11-2021 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Sửa một phần của Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2021/HS-ST ngày 26-11-2021 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, xác định bị cáo Nguyễn Ngọc T còn tiền án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng: Các điểm b, c khoản 2 Điều 260; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc T 03 (Ba) năm tù. Thời gian tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, L2 phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM (01);
- VKSNDCC tại TPHCM (01);
- VKSND tỉnh Long An (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01);
- TAND huyện (02);
- VKSND huyện (01);
- CQĐT Công an huyện (01);
- Chi cục THADS huyện (01);
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thiện Tâm